

B GIÁO D C VÀ ÀO T O
I H C HU
TR NG I H C KINH T HU

LÊ TH VI T NGÂN

CHUY N D CH C C U KINH T NGÀNH
HUY N B TR CH, T NH QU NG BÌNH

LU N V N TH C S KHOA H C KINH T
NH H NG NGHIÊN C U

HU , 2018

B GIÁO D C VÀ ÀO T O
I H C HU
TR NG I H C KINH T HU

LÊ TH VI T NGÂN

CHUY N D CH C C U KINH T NGÀNH
HUY N B TR CH, T NH QU NG BÌNH

Chuyên ngành : Kinh t chính tr
Mã s : 8310102
nh h ng ào t o : Nghiên c u

LU N V N TH C S KHOA H C KINH T

NG I H NG D N KHOA H C: TS. TR N XUÂN CHÂU

HU , 2018

L I CAM OAN

Tôi xin cam oan rằng s li u và k t qu nghiên c u trong lu n v n này là trung th c và ch a h c s d ng b o v m t h c v nào. Tôi c ng xin cam oan rằng m i s giúp cho vi c th c hi n lu n v n này ã c c m n và các thông tin trích d n trong lu n v n ã c ch rõ ngu ng c.

Tôi xin ch u hoàn toàn trách nhi m v l i cam oan trên.

Hu , tháng 8 n m 2018

Ng i cam oan

Lê Th Vi t Ngân

L I C M N

L i u tiên, tôi xin trân tr ng cảm n quý th y giáo, quý cô giáo và các anh ch chuyên viên c a Tr ng i h c Kinh t - i h c Hu ã s n lòng giúp , h tr tôi trong quá trình h c t p và nghiên c u t i tr ng. c bi t, tôi xin bày t lòng bi t n sâu s c n TS. Tr n Xuân Châu - ng i h ng d n khoa h c ã t n tình h ng d n và giúp tôi trong su t quá trình th c hi n lu n v n.

Trong th i gian th c hi n tài, b n thân ã có nhi u n l c, c g ng và t p trung cao nh ng do kinh nghi m nghiên c u ch a có c ng nh th i gian nghiên c u h n h p vì v a i làm v a i h c nên n i dung lu n v n s không tránh kh i nh ng h n ch , thi u sót. Do v y, tôi r t mong nh n c s góp ý c a quý th y giáo, quý cô giáo và các b n có quan tâm lu n v n này c hoàn thi n h n.

Xin trân tr ng c m n!

Hu , tháng 8 n m 2018

H c viên

Lê Th Vi t Ngân

DANH MỤC VIẾT TẮT

CCKT	: C �c u kinh t
CCKTN	: C �c u kinh t ng�n
CDCCKT	: Chuy �n d ch c �c u kinh t
CDCCKTN	: Chuy �n d ch c �c u kinh t ng�n
CNH, H H	: C�ng nghi p ho�, hi �n i ho�
KH- CN	: Khoa h �c - c�ng ngh

M C L C

L I C A M O A N	i
L I C M N	ii
D A N H M C T V I T T T	iii
M C L C	iv
D A N H M C B N G	vii
M U	1
1. T í n h c � p h i t c a t � i	1
2. T ì n h ì n h n g h i � n c u l i � n q u � n t � i	2
3. M � c t i � u n g h i � n c u	3
3.1. M � c t i � u c h u n g	3
3.2. M � c t i � u c � t h	3
4. � i t � n g v � p h � m v i n g h i � n c u	4
4.1. � i t � n g n g h i � n c u:	4
4.2. P h � m v i n g h i � n c u	4
5. P h � n g p h � p n g h i � n c u c a t � i	4
5.1. P h � n g p h � p c h u n g:	4
5.2. P h � n g p h � p c � t h :	4
6. � y n g a c a t � i	5
7. K � t c u t � i	5
C H � N G 1. C � S L � Y L U N V � T H � C T I N C A C H U Y N D C H C	
C U K I N H T N G � N H	6
1.1. Q u � n n i m, n i d u n g, s � c n t h i t p h i c h u y n d c h c � c u k i n h t n g � n h	6
1.1.1. Q u � n n i m c h u y n d c h c � c u k i n h t n g � n h	6
1.1.2. N i d u n g c h u y n d c h c � c u k i n h t n g � n h	11
1.1.3. S � c n t h i t p h i c h u y n d c h c � c u k i n h t n g � n h	13
1.2. C � c n h � n t t � c n g n c h u y n d c h c � c u k i n h t n g � n h	15

1.2.1. Các nguồn lực và tổ chức cho quá trình chuyển đổi	15
1.2.2. Chính sách	20
1.2.3. Trình độ phát triển của kinh tế thị trường	21
1.3. Các tiêu chí đánh giá chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành	24
1.3.1. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo nhóm ngành kinh tế	24
1.3.2. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nội bộ nhóm ngành kinh tế	24
1.3.3. Yếu tố khoa học - công nghệ và hiện đại hóa sản xuất trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế	25
1.3.4. Hiệu quả kinh tế - xã hội của chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành	26
1.4. Kinh nghiệm về chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành	26
1.4.1. Kinh nghiệm mô tả cụ thể trên thị trường	26
1.4.2. Kinh nghiệm mô tả áp dụng trong nước	29
1.4.3. Kinh nghiệm rút ra và ứng dụng cho huyện Bắc Trich, tỉnh Quảng Bình	33
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH HUYỆN BẮC TRICH, TỈNH QUẢNG BÌNH	35
2.1. Cơ sở lý luận nghiên cứu	35
2.1.1. Cơ sở lý luận	35
2.1.2. Cơ sở kinh tế - xã hội	37
2.1.3. Thuận lợi và khó khăn trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành huyện Bắc Trich, tỉnh Quảng Bình	48
2.2. Thực trạng chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành huyện Bắc Trich, tỉnh Quảng Bình	50
2.2.1. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế giữa các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ	50
2.2.2. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nội bộ từng ngành	51
2.2.3. Hiệu quả kinh tế - xã hội của chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành huyện Bắc Trich, tỉnh Quảng Bình	58
2.2.4. Yếu tố khoa học - công nghệ và hiện đại hóa sản xuất trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế	64
2.2.5. Đánh giá chung về chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành huyện Bắc Trich, tỉnh Quảng Bình	66

2.3. M t s h n ch và nguyên nhân h n ch c a chuy n d ch c c u kinh t ngành huy n B Tr ch, t nh Qu ng Bình	67
2.3.1. M t s h n ch	67
2.3.2. Nguyên nhân c a h n ch	69
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH Ở HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH	70
3.1. Ph ng h ng chuy n d ch c c u kinh t ngành huy n B Tr ch, t nh Qu ng Bình	70
3.1.1. Ph ng h ng chuy n d ch c c u kinh t ngành công nghi p - xây d ng ...	70
3.1.3. Ph ng h ng c c u kinh t ngành d ch v	74
3.2. Gi i pháp y m nh chuy n d ch c c u kinh t huy n B Tr ch, t nh Qu ng Bình.....	75
3.2.1. Khai thác các ngu n v n và nâng cao hi u qu u t	75
3.2.2. Hoàn thi n công tác quy ho ch t ng th phát tri n kinh t - xã h i huy n B Tr ch	77
3.2.3. Gi i pháp v th tr ng	78
3.2.4. Phát tri n, ào t o ngu n nhân l c.....	80
3.2.5. Phát tri n, ng d ng khoa h c công ngh và b o v môi tr ng.....	82
3.2.6. Th c hi n các gi i pháp c th cho chuy n d ch c c u kinh t t ng ngành..	83
K T LU N VÀ KI N NGH	86
1. K t lu n	86
2. Ki n ngh	86
TÀI LI U THAM KH O	88
PH L C	

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Giá trị và cơ cấu ngành kinh tế huyện Bình Trich giai đoạn 2013- 2017	50
Bảng 2.2. Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất (GO) ngành công nghiệp huyện Bình Trich giai đoạn 2013 – 2017.....	51
Bảng 2.3. Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất (GO) nhóm ngành nông - lâm - thủy sản huyện Bình Trich giai đoạn 2013 - 2017.....	52
Bảng 2.4. Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất (GO) ngành nông nghiệp huyện Bình Trich giai đoạn 2013 - 2017.....	53
Bảng 2.5. Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất (GO) ngành lâm nghiệp huyện Bình Trich giai đoạn 2013 – 2017.....	54
Bảng 2.6. Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất (GO) nhóm ngành thủy sản huyện Bình Trich giai đoạn 2013 - 2017.....	55
Bảng 2.7. Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất (GO) nhóm ngành dịch vụ huyện Bình Trich giai đoạn 2013 - 2017.....	56
Bảng 2.8. Giá trị sản xuất các ngành kinh tế (theo giá hiện hành).....	59
huyện Bình Trich giai đoạn 2013-2017.....	59
Bảng 2.9. Hiệu quả của chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành dịch vụ xã hội huyện Bình Trich giai đoạn 2013 - 2017.....	61
Bảng 2.10. Lao động ang làm việc trong các ngành kinh tế huyện Bình Trich giai đoạn 2013 - 2017.....	62
Bảng 2.11. Hiệu quả vốn đầu tư của các ngành kinh tế huyện Bình Trich giai đoạn 2013 – 2017.....	63
Bảng 2.12. Trình độ ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất công nghiệp huyện Bình Trich giai đoạn 2013 - 2017.....	64

TaiLieu.vn

M U

1. Tính cấp thiết của tài

Các u kinh t là m t b ph n quan tr ng c a n n kinh t . Các u kinh t h p lý có tính ch t quy t nh t i s phát tri n b n v ng c a n n kinh t , quy t nh n t ng tr ng kinh t trong hi n t i và t ng lai. Trong b i c nh toàn c u hóa và h i nh p kinh t qu c t hi n nay, òi h i Vi t Nam ph i có nh ng b c i mang tính t phá trong quá trình công nghi p hóa, hi n i hóa (CNH, H H) t n c t n d ng nh ng c h i, v t qua nh ng thách th c khi b c vào sân ch i toàn c u WTO. Chuy n d ch c c u kinh t ngành (CDCCKTN) là m t n i dung c b n c a quá trình CNH, H H, nh t là trong nông nghi p, nông thôn. Sau h n 30 n m i m i, kinh t Vi t Nam ã t c nh ng thành t u quan tr ng. T m t n n kinh t nông nghi p l c h u v i 90% dân s làm nông nghi p, Vi t Nam ã xây d ng c c s v t ch t - k thu t, h t ng kinh t - xã h i t ng b c c áp ng cho s nghi p CNH, H H t o ra môi tr ng thu hút ngu n l c xã h i cho s phát tri n dài h n và b n v ng, trong ó có vai trò óng góp c c kì quan tr ng c a quá trình CDCCKTN.

B tr ch là m t huy n n m phía B c t nh Qu ng Bình, là a bàn có nhi u ti m n ng phát tri n kinh t - xã h i v i 28 xã và 2 th tr n. S h u y a hình ng b ng, mi n núi, trung du và ven bi n; cùng h th ng giao thông ng b , ng s t, ng bi n và các tuy n ng giao thông huy t m ch ch y qua. Có th nói, B Tr ch có r t nhi u th m nh th c hi n quá trình CDCCKTN. Trong nh ng n m qua, chuy n d ch c c u kinh t c bi t CDCCKTN có s chuy n d ch tích c c theo h ng: t ng t tr ng nhóm ngành công nghi p - xây d ng, ng th i gi m t tr ng nhóm ngành nông nghi p - lâm nghi p - th y s n, c c u kinh t t m c thu n nông d n chuy n d ch thành c c u công nghi p - nông nghi p - d ch v .

i u này ch ng t xu th ti n b , phù h p v i h ng chuy n d ch c c u kinh t trong quá trình y m nh CNH, H H, nh m góp ph n nâng cao ch t l ng t ng tr ng và c ng c ti m l c kinh t c a huy n; ti m n ng, th m nh c xác nh và khai thác h p lý s a l i hi u qu kinh t ngày càng cao.

Tuy nhiên, thực tế vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế và bất cập đáng quan tâm trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế huyện Bình Trách: chuyển đổi cơ cấu kinh tế đi ra chủ yếu, khai thác hết tiềm năng của các ngành công nghiệp - dịch vụ, ngành nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế. Vì vậy, yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải nghiên cứu quá trình CDCCKTN một cách có hệ thống, nhằm tìm ra nhóm biện pháp phù hợp góp phần đẩy mạnh hơn nữa quá trình trên. Xuất phát từ thực tiễn đó, tôi chọn tài liệu: “Chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành huyện Bình Trách, tỉnh Quảng Bình” làm luận văn thạc sĩ khoa học kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến tài

CDCCKTN trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH là một nội dung quan trọng có ý nghĩa lý luận và thực tiễn trong phát triển kinh tế nước ta nên có nhiều tài liệu, công trình nghiên cứu công bố các bài viết liên quan như:

- PGS.TS Nguyễn Văn Phát và Lưu Án Tiến (2004): “Chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành Thủy Sản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Luận án cấp tiến các vấn đề về lý luận và thực tiễn cơ cấu ngành kinh tế, phân tích thực trạng chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành Thủy Sản, đề xuất biện pháp rút ra các kinh nghiệm và giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH ngành Thủy Sản.

- Th.S Võ Thị Thu Ngọc (2011): “Chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế”.

Tài liệu trung nghiên cứu về lý luận và chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xem xét và làm rõ thực trạng chuyển đổi cơ cấu kinh tế huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hoài Nam (1996): “Chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế và phát triển nông nghiệp trồng lúa, miền Bắc Việt Nam”. Tác giả trình bày những vấn đề lý luận chung về chuyển đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu ngành kinh tế trên cơ sở xem xét nền kinh tế Việt Nam. Nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ cấu kinh tế ngành và cơ cấu kinh tế vùng gắn chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành với phát triển các vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam.

- GS.TS Ngô ình Giao (1994): “*Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân*” NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. Tác giả tập trung nghiên cứu những cơ sở lý luận và số liệu thực tiễn về chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Những thành tựu công trình còn xuất hiện những hạn chế và biện pháp chuyển đổi cơ cấu kinh tế Việt Nam trong thời gian tới.

- PGS.TS Phạm Thị Khanh (2010): “*Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững Việt Nam*” NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. Nội dung chủ yếu tập trung nghiên cứu về cơ sở lý luận và chuyển đổi cơ cấu kinh tế và thực trạng phát triển chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững.

- Và một số tài liệu báo, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ khác trên lĩnh vực Kinh tế - xã hội Hồ Chí Minh có liên quan này.

Tuy nhiên, qua quá trình tìm hiểu và nghiên cứu trên báo huy động B Tr ch, tạp chí Qu ng Bình, những thông tin có công trình nào nghiên cứu CDCKTN một cách tổng quát về tất cả các lĩnh vực kinh tế xã hội, đặc biệt trong giai đoạn huy động B Tr ch ã và đang diễn ra quá trình phát triển kinh tế xã hội hiện nay. Trên cơ sở khảo sát các công trình nghiên cứu trên, người viết dựa vào nghiên cứu mà đã biên soạn tài liệu: “**Chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành huy động B Tr ch, tạp chí Qu ng Bình**”.

3. Mục tiêu nghiên cứu

3.1. Mục tiêu chung

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn liên quan đến nghiên cứu, tài liệu khảo sát thực trạng để xác định các giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành trong thời gian tới đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH và phát triển KT-XH của huy động.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành.

- Phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành huyện B Tr ch, tỉnh Qu ng Bình giai o n 2013 - 2017.

- Nghiên cứu và xu t nh ng gi i pháp c b n nh m y m nh h n n a quá trình CDCCKTN trong th i gian t i huyện B Tr ch.

4. i t ng và ph m vi nghiên cứu

4.1. i t ng nghiên cứu:

Nghiên cứu v chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành huyện B Tr ch, tỉnh Qu ng Bình.

4.2. Ph m vi nghiên cứu

* *V không gian:* à bàn huyện B Tr ch, tỉnh Qu ng Bình.

* *V th i gian:* Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành huyện B Tr ch, tỉnh Qu ng Bình giai o n 2013-2017 và xu t các nh h ng, gi i pháp thúc y quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành huyện B Tr ch n n m 2025.

5. Ph ng pháp nghiên cứu c a tài

5.1. Ph ng pháp chung:

tài s d ng ph ng pháp duy v t bi n ch ng và duy v t l ch s : xem xét, phân tích v n trong quá trình v n ng và phát tri n, g n v i giai o n l ch s c th .

5.2. Ph ng pháp c th :

5.2.1. Ph ng pháp thu th p thông tin

* Ph ng pháp thu th p s li u th c p: tài c ti n hành d a trên vi c thu th p s li u t các báo cáo v tình hình phát tri n kinh t - xã h i c a huyện B Tr ch t n m 2013 n nay; Quy ho ch phát tri n t ng th kinh t xã h i huyện B Tr ch n n m 2025; Niên giám th ng kê huyện B Tr ch t n m 2013 n n m 2017 và các tài li u liên quan khác.

* Ph ng pháp thu th p s li u s c p: tài c ti n hành i u tra cán b qu n lý các phòng, ban và các c s doanh nghi p c a 15 xã và 2 th tr n thu c huyện B Tr ch, tỉnh Qu ng Bình ánh giá m c chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành t n m 2013 n n m 2017.

5.2.2. Phương pháp x lý s li u

Vi c x lý và h th ng hóa s li u đ a vào ph ng pháp phân t th ng kê theo các tiêu th c áp ng yêu c u và m c ích nghiên c u, các b ng h i c x lý b ng ph n m m exel.

5.2.3. Phương pháp th ng kê mô t

Ph ng pháp này c s d ng mô t nh ng c tính c b n c a đ li u thu th p c t vi c nghiên c u th c tr ng chuy n đ ch c c u ngành kinh t huy n B Tr ch, t nh Qu ng Bình.

5.2.4. Phương pháp phân tích, t ng h p

Các tài li u sau khi c s hóa và th ng kê s c ti n hành t ng h p, phân tích đ a trên các n i dung c n nghiên c u. K t h p gi a các thông tin t ngu n s li u th c p và s c p ph n ánh th c tr ng chuy n đ ch c c u ngành kinh t huy n B Tr ch.

5.2.5. Phương pháp chuyên gia

Ph ng pháp chuyên gia c v n d ng xây đ ng, xu t các gi i pháp phát tri n.

6. Ý ngh a c a tài

- tài có th làm tài li u tham kh o cho vi c h c t p và nghiên c u.
- Giúp chính quy n a ph ng có cái nhìn rõ nét h n v quá trình CDCCKTN, t ó có nh ng chính sách kh thi h n nh m y nhanh CDCCKTN.

7. K t c u tài

Ngoài ph n t v n , k t lu n, ki n ngh , ph l c và tài li u tham kh o, n i dung tài g m có 3 ch ng:

Ch ng 1: C s lý lu n và th c ti n c a chuy n đ ch c c u kinh t ngành.

Ch ng 2: Th c tr ng chuy n đ ch c c u kinh t ngành huy n B Tr ch, t nh Qu ng Bình.

Ch ng 3: nh h ng và m t s gi i pháp y m nh chuy n đ ch c c u kinh t ngành t i huy n B Tr ch, t nh Qu ng Bình.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN A CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ COUNTRY

KINH TẾ NGÀNH

1.1. Quan niệm, nội dung, sự cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành

1.1.1. Quan niệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành

1.1.1.1. Cơ cấu kinh tế

Để tiếp cận khái niệm “cơ cấu kinh tế”, cần làm rõ khái niệm “cơ cấu”. Theo quan niệm triết học duy vật biện chứng, cơ cấu hay kết cấu là một khái niệm dùng để chỉ cấu trúc bên trong của một hệ thống, biểu hiện sự thống nhất của các mối quan hệ qua lại và sự chi phối của các bộ phận của nó.

Trong khái niệm “cơ cấu” vận dụng vào lĩnh vực kinh tế quốc dân của một quốc gia, ta có cấu trúc “cơ cấu kinh tế”, cho đến nay đã có rất nhiều quan niệm về “cơ cấu kinh tế” do đó cấu trúc này có nhiều cách tiếp cận khác nhau:

Theo giáo trình Kinh tế chính trị Mác Lênin: “*Cơ cấu kinh tế là tổng thể các bộ phận hợp thành, cùng với vị trí tương quan và quan hệ tương tác phù hợp giữa các bộ phận trong hệ thống kinh tế quốc dân*”. [12]

Theo tác giả Bách khoa Viêt Nam: “*Cơ cấu kinh tế là tổng thể các ngành, các lĩnh vực, bộ phận kinh tế với vị trí, tương quan tương tác của chúng và mối quan hệ hữu cơ giữa chúng hình thành trong một khoảng thời gian nhất định*” [1].

Theo quan niệm của C. Mác, CCKT của một xã hội là toàn bộ những quan hệ sản xuất phù hợp với quá trình sản xuất nhất định của lực lượng sản xuất vật chất, cơ cấu là một sự phân chia và tổ chức và tổ chức của những quá trình sản xuất xã hội. C. Mác cho rằng: “*Trong sản xuất xã hội ra đời sự nghiệp của mình, con người có những quan hệ nhất định, tự nhiên, không phụ thuộc vào ý muốn của họ, tổ chức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với trình*

phát triển nhất nh c a các l c l ñg s n xu t v t ch t c a h . Toàn b nh ñg quan h s n xu t yc ñg h p thành c c u kinh t xã h i” [12]

T nh ñg quan ni m v CCKT nói trên có th hi u khái quát: “C c u kinh t là m t ph m trừ kinh t , nó bao g m t ñg th các b ph n c u thành c a n n kinh t qu c dân trong quá trình tái s n xu t xã h i nh các ngành kinh t (công nghi p, nông nghi p, d ch v), các vùng kinh t , các thành ph n kinh t . Các b ph n này g n bó v i nhau, tác ñng qua l i l n nhau và bi u hi n các quan h t l v s l ñg, t ñng quan v ch t l ñg trong nh ñg không gian và th i gian nh t nh, phù h p v i nh ñg i u ki n kinh t - xã h i cao. m i vùng, m i ngành l i có c c u riêng c a nó ph thu c vào nh ñg i u ki n t nhiên, kinh t , xã h i c th ”. [19]

C c u kinh t , xem xét trên c p ñn n kinh t qu c dân hay trên m t vùng lãnh th , v m t n i dung, là m t h th ñg a c c u h p thành, th ñg bao g m:

+ C c u kinh t ngành: là c c u kinh t quan tr ñg nh t, là t h p các ngành c a n n kinh t . Nó bi u th quan h gi a các ngành kinh t , nh ñg t ñg th ñn v kinh t cùng th c hi n m t lo i ch c n ñg trong h th ñg phân công lao ñg xã h i theo ngành s n xu t ra nh ñg s n ph m ho c nh ñg d ch v có c tính chung nh t nh. S phát tri n các ngành kinh t qu c dân là m t t t y u khách quan, do s phát tri n c a phân công lao ñg xã h i quy t nh.

+ C c u vùng (hay lãnh th) kinh t : là s b trí vùng, lãnh th c a n n kinh t . C c u vùng kinh t theo lãnh th ph n ánh s phân công lao ñg xã h i v m t không gian a lý. C c u này do i u ki n khí h u, tài nguyên thiên nhiên quy t nh. m i vùng, lãnh th c b trí các ngành s n xu t khác nhau theo m t t l thích ñg khai thác tri t các u th , c thù c a t ñg vùng, ñg th i h tr l n nhau cùng phát tri n.

+ C c u thành ph n kinh t : là c c u s h u c a n n kinh t . Có th nói, quan h s n xu t và l c l ñg s n xu t là hai m t c a n n kinh t . N u CCKTN tr c ti p do trình phát tri n c a l c l ñg s n xu t và phân công lao ñg xã h i quy t nh, thì c c u thành ph n kinh t tr c ti p do b n ch t c a quan h s n xu t mà tr c h t là quan h s h u quy t nh.

Vì mục tiêu, nhiệm vụ và giá trị nền tảng, nội dung luận văn tập trung chủ yếu nghiên cứu về chuyển đổi cấu trúc kinh tế ngành.

1.1.1.2. Cấu trúc kinh tế ngành

CCKTN là xét nền kinh tế dựa trên cơ sở phân công lao động xã hội và chuyên môn hóa sản xuất thành các ngành nghề khác nhau. CCKTN là tổng thể các ngành cấu trúc kinh tế quốc dân được hình thành theo mối quan hệ tương tác, thể hiện mối quan hệ giữa các ngành và phản ánh trình độ cấu trúc kinh tế. Hiện nay, có nhiều quan niệm về CCKTN, song theo quan niệm hiện tại thì ta có cách tiếp cận CCKTN như sau: “Cấu trúc kinh tế theo ngành là tổng thể hình thành các ngành kinh tế quốc dân, trong mối quan hệ hữu cơ, tác động lẫn nhau về số lượng và chất lượng giữa các ngành có với nhau và với nền kinh tế quốc dân trong không gian, thời gian và những điều kiện kinh tế xã hội nhất định” [16]. Như vậy, CCKTN phụ thuộc vào sự phân ngành kinh tế và sự phân chia này lại thay đổi theo thời gian, tùy thuộc vào trình độ phát triển của nền kinh tế.

Có thể hiểu CCKTN qua các nội dung sau:

Thứ nhất, số lượng các ngành kinh tế cấu thành. Số lượng các ngành kinh tế không cố định mà luôn hoàn thiện theo sự phát triển của phân công lao động xã hội. Dựa vào tính chất của phân công lao động xã hội biểu hiện qua sự khác nhau về quy trình công nghệ tạo ra sản phẩm vật chất và dịch vụ có thể phân hệ thống kinh tế thành 3 nhóm (3 khu vực) ngành chính, đó là:

Nhóm ngành nông nghiệp (khu vực I): gồm các ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

Nhóm ngành công nghiệp và xây dựng (khu vực II): gồm các ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp khai thác, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, ngành xây dựng.

Nhóm ngành dịch vụ (khu vực III): gồm các ngành thương mại, dịch vụ, tài chính, bưu chính.

Trong CCKTN, khu vực I và khu vực II là nhóm ngành sản xuất vật chất, còn khu vực III thuộc nhóm ngành phi vật chất. Trong mỗi nhóm ngành sẽ có tổng phân ngành nhất định.

Th hai, m i quan h gi a các ngành. Trong i u ki n kinh t - xã h i nh t nh, các ngành kinh t có m i quan h liên k t, ph i h p, t ng tác qua l i v i nhau theo nh ng n i dung, cách th c nh t nh và c bi u hi n các quan h v s l ng, t ng quan v ch t l ng. V s l ng, CCKTN th hi n t tr ng (tính theo GDP, lao ng, v n...) c a m i ngành trong t ng th h th ng kinh t . V ch t l ng, CCKTN ph n ánh v trí, t m quan tr ng c a t ng ngành và m i quan h , tính ch t tác ng (tr c ti p hay gián ti p, cùng chi u hay ng c chi u) qua l i gi a các ngành v i nhau.

Th ba, s h ình thành CCKTN ph n ánh kh n ng khai thác các ngu n l c h u h n hi n có. S h ình thành và phát tri n các ngành kinh t luôn đ a trên vi c khai thác các ngu n l c h u h n c a n n kinh t , do ó CCKTN ph n ánh quy mô và tính hi u qu các ngu n l c h u h n vào các ngành s n xu t riêng trong nh ng i u ki n kinh t - xã h i nh t nh.

Th t , CCKTN luôn v n ng và thay i theo t ng th i k phát tri n. S l ng các ngành c u thành t ng th h th ng kinh t và m i quan h c a chúng bao gi c ng c h ình thành trong nh ng i u ki n kinh t - xã h i nh t nh. Tuy nhiên, s l ng các ngành không c nh và m i quan h gi a các ngành luôn thay i cùng v i s v n ng và bi n i c a i u ki n kinh t - xã h i. Do v y, CCKTN là ph m tr ù ng, luôn v n ng và thay i theo t ng th i k phát tri n khác nhau và là đ u hi u ph n ánh trình c a n n kinh t .

Vi c phân lo i CCKTN là c n c vào t ng m c ích nghi n c u. Trong lu n v n này, tác gi l a ch n CCKTN theo s phân công lao ng xã h i, bao g m 3 nhóm: nhóm ngành nông nghi p (khu v c I) g m các ngành tr ng tr t, ch n nuôi, lâm nghi p và ng nghi p; nhóm ngành công nghi p (khu v c II) g m các ngành công nghi p ch bi n, công nghi p khai thác, công nghi p v t li u xây d ng, công nghi p s n xu t hàng tiêu dùng, ngành xây d ng...; nhóm ngành d ch v (khu v c III) g m các ngành th ng m i, d ch v , du l ch, tài chính, b u i n... S phân tích c chú tr ng c v m t l ng (s l ng ngành, quan h t l gi a các ngành) và

m t ch t (v trí, vai trò c a các ngành hi n t i trong n n kinh t , các quan h g n k t, t ng tác gi a các ngành trong n n kinh t ...)

1.1.1.3. *Chuy n d ch c c u kinh t ngành*

Trong quá trình phát tri n c a n n kinh t nói chung và c a kinh t ngành nói riêng thì xu h ng thay i luôn là i u t t y u. CCKTN thay i c m t l ng c ng nh m t ch t s luôn v n ng, chuy n t tr ng thái này sang tr ng thái khác theo h ng hoàn thi n h n, phù h p h n v i i u ki n phát tri n, và ó c ng chính là s chuy n d ch c c u kinh t ngành (CDCCCKTN).

CDCCCKTN trên th c t là k t qu c a m t quá trình, trong ó s v n ng phát tri n c a b n thân các ngành d n n s thay i t ng quan t l và m i quan h v n có c a chúng trong n n kinh t qu c dân. S thay i c u trúc các b ph n h p thành hay các ngành trong n n kinh t s d n n s thay i c n n kinh t . CDCCCKTN có tính khách quan do yêu c u c a th tr ng và s phát tri n kinh t nh ng ng th i CDCCCKTN có tính m c ích và nh h ng ngh a là nó g n v i s ch ng c a Nhà n c, s nh n th c tính t t y u khách quan c n th c hi n s thay i c c u ngành t tr ng thái này sang tr ng thái khác, h p lý và hi u qu h n. Nh v y ta có: “*Chuy n d ch c c u kinh t ngành là s bi n i và s v n ng, phát tri n c a các ngành làm thay i v trí, t ng quan t l và m i quan h , t ng tác gi a chúng theo th i gian d i tác ng c a nh ng y u t kinh t - xã h i c a t n c và qu c t nh t nh*” [11].

S CDCCCKTN luôn đ a trên vi c c i t o CCKT hi n có v i các ngành c , l c h u, không phù h p xác l p CCKTN m i t i n b và phù h p h n v i xu h ng phát tri n. Do ó, nh p t ng tr ng và tính b n v ng c a n n kinh t ph thu c vào kh n ng CDCCCKT linh ho t, phù h p v i i u ki n phát tri n bên trong, bên ngoài và l i th t ng i c a n n kinh t .

Xem xét c th trong m t kho ng không gian và th i gian nh t nh, do nhi u nguyên nhân khác nhau nh s thay i c a nhu c u th tr ng, s phát tri n c a KH - CN ho c do yêu c u kinh t - xã h i mà CDCCCKTN trong quá trình phát tri n bi u hi n nh ng i m sau: